

Số: 917/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 02 tháng 7 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành
Dự án: Kè chống sạt lở sông Phước Giang, xã Long Hiệp,
huyện Minh Long**

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
CV ĐẾN	Số:..... <i>42.87</i>
	Ngày:..... <i>02/7/13</i>
	Chuyên:.....

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 19/2011/TT-BTC ngày 14/2/2011 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 03/2013/QĐ-UBND ngày 09/01/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định về một số nhiệm vụ quản lý đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 465/QĐ-UBND ngày 29/3/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Dự án Kè chống sạt lở Sông Phước Giang, xã Long Hiệp, huyện Minh Long;

Xét đề nghị của UBND huyện Minh Long tại Tờ trình số 45/TTr-UBND ngày 13/5/2013 về việc đề nghị thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành Dự án Kè chống sạt lở Sông Phước Giang, xã Long Hiệp, huyện Minh Long; trên cơ sở kết quả thẩm tra tại Báo cáo số 88/BC-STC-ĐT ngày 21/6/2013 của Sở Tài chính Quảng Ngãi,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành

- Tên dự án: Kè chống sạt lở Sông Phước Giang, xã Long Hiệp, huyện Minh Long.
- Chủ đầu tư: UBND huyện Minh Long.
- Địa điểm xây dựng: Xã Long Hiệp, huyện Minh Long.
- Thời gian khởi công: 02/2012; thời gian hoàn thành: 11/2012.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị: đồng

Nguồn	Được duyệt	Thực hiện	
		Đã thanh toán	Còn được thanh toán
Tổng số	24.434.595.000	16.054.756.500	8.379.838.500
Vốn ngân sách nhà nước	24.434.595.000	16.054.756.500	8.379.838.500

2. Chi phí đầu tư:

Đơn vị: đồng

Nội dung	Dự toán	Giá trị quyết toán
Tổng số	26.925.557.595	24.434.595.000
1. Xây dựng	22.191.972.167	20.429.090.000
2. Đền bù, GPMB	1.905.192.150	1.812.080.500
3. Quản lý dự án	1.565.772.122	1.451.917.000
4. Tư vấn	369.001.660	369.000.000
5. Chi khác	620.762.563	372.507.500
6. Dự phòng	272.856.933	0

(chi tiết các khoản chi phí theo phụ lục 1 kèm theo)

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: không đồng

4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị: đồng.

Nội dung	Công trình thuộc chủ đầu tư quản lý		Công trình giao đơn vị khác quản lý	
	Thực tế	Quy đổi	Thực tế	Quy đổi
Tổng số	24.434.595.000	0		
1. Tài sản cố định	24.434.595.000	0		
2. Tài sản lưu động	0	0		

Điều 3. Trách nhiệm của Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:

1. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

- Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư dự án: 24.434.595.000 đồng.

Đơn vị: đồng.

Nguồn vốn	Số tiền	Ghi chú
Tổng số	24.434.595.000	
- Vốn NSNN	24.434.595.000	

- Tổng các khoản công nợ tính đến ngày 13/5/2013 là:

a) Nợ phải thu: 0 đồng.

b) Nợ phải trả: 8.379.838.500 đồng.

(chi tiết các khoản công nợ theo phụ lục 2 kèm theo)

- Nguồn vốn trả nợ: Từ nguồn NSNN 8.379.838.500 đồng, trong đó kế hoạch vốn năm 2013 đã bố trí 1.800.000.000 đồng (theo Quyết định số 857/QĐ-UBND ngày 18/6/2013) và bổ sung 6.579.838.500 đồng.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản:

Được phép ghi tăng tài sản:

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản cố định (đồng)	Tài sản lưu động (đồng)
Phòng Kinh tế hạ tầng huyện Minh Long	24.434.595.000	0

3. Trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan có liên quan: Chủ đầu tư có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan để xử lý theo Báo cáo thẩm tra số 88/BC-STC-ĐT ngày 21/6/2013 của Sở Tài chính và nội dung quyết toán vốn đầu tư được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi, Chủ tịch UBND huyện Minh Long; Phòng kinh tế hạ tầng huyện Minh Long và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

-Như Điều 5;

-CT, PCT (NL) UBND tỉnh;

-VPUB: PCVP (NL), CB-TH;

-Lưu: VT, NN-TNak435.



Phạm Trường Thọ

Phụ lục 1

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ ĐẦU TƯ DỰ ÁN ĐƯỢC QUYẾT TOÁN

Dự án khai thác và vận hành công trình khai thác sông Phước Giang, xã Long Hiệp, huyện Minh Long.

(Kèm theo Quyết định số 97/QĐ-UBND, ngày 02/7/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: Đồng

1	CƠ CẤU	Giá trị dự toán chi tiết được duyệt	Giá trị chủ đầu tư trình	Giá trị quyết toán	Tăng (+), giảm (-) so với số DT
I	XÂY DỰNG	22.191.972.167	20.429.090.000	20.429.090.000	-1.762.882.167
1	Giá trị khối lượng ban đầu	19.109.355.764	17.457.090.000	17.457.090.000	-1.652.265.764
2	Giá trị bổ sung theo NĐ70	3.082.616.403	2.972.000.000	2.972.000.000	-110.616.403
II	BỒI THƯỜNG GPMB	1.950.192.150	1.812.080.500	1.812.080.500	-138.111.650
1	Bồi thường trực tiếp cho người dân	1.819.124.250	1.773.880.500	1.773.880.500	-45.243.750
2	C/phi P/vụ BT, GPMB + khác	131.067.900	38.200.000	38.200.000	-92.867.900
III	CHI PHÍ BQL DA	369.001.660	369.000.000	369.000.000	-1.660
IV	CHI PHÍ TƯ VẤN	1.521.793.625	1.451.917.000	1.451.917.000	-69.876.625
1	Lập dự án, KS địa hình, địa chất	494.598.804	439.389.000	439.389.000	-55.209.804
2	C/phi KS lập TKBVTC	522.959.629	515.844.000	515.844.000	-7.115.629
3	Chi phí GS thi công XD công trình	355.658.833	348.109.000	348.109.000	-7.549.833
4	Chi phí thăm tra TK, DT	49.984.080	49.983.000	49.983.000	-1.080
5	Chi phí lập HSMT,Đ/giá HS DT	18.592.279	18.592.000	18.592.000	-279
6	C/phi TV Đ/giá tác động môi trường	80.000.000	80.000.000	80.000.000	0
V	CHI PHÍ KHÁC	403.750.843	372.507.500	372.507.500	-31.243.343
1	Chi phí thẩm định dự án đầu tư	3.150.830	3.150.000	3.150.000	-830
2	Chi phí thẩm định TK DT	13.386.768	13.387.500	13.387.500	732
3	Đo, vẽ bản đồ địa chính, cắm mốc MB	82.225.000	82.039.000	82.039.000	-186.000
4	C/phi thẩm định kết quả đấu thầu	1.737.214	1.737.000	1.737.000	-214
5	Chi phí bảo hiểm công trình	129.943.619	129.943.000	129.943.000	-619
6	Chi phí kiểm toán quyết toán	111.194.217	111.194.000	111.194.000	-217
7	Chi phí th/tra, phê duyệt quyết toán	62.113.195	31.057.000	31.057.000	-31.056.195
VI	DỰ PHÒNG CHI	533.847.150	0	0	-533.847.150
	TỔNG CỘNG	26.970.557.595	24.434.595.000	24.434.595.000	-2.535.962.595

Phụ lục 2

BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ



Dự án **Đập dâng và sạt lở sông Phước Giang, xã Long Hiệp, huyện Minh Long.**
 (Kèm theo Quyết định số 41/2012/QĐ-UBND, ngày 02/7/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: **Đồng**

STT	Nội dung	Đơn vị	Giá trị thẩm tra	Giá trị thanh toán	Phải trả (+)
I	XÂY DỰNG	Cty CP Giao Thủy	20.429.090.000	12.449.251.000	7.979.839.000
II	BỒI THƯỜNG GPMB		1.812.080.500	1.812.080.500	0
1	Bồi thường trực tiếp cho người dân	Người dân, BQL dự án	1.773.880.500	1.773.880.500	0
2	C/phi P/vụ BT, GPMB + khác	Ban Đèn bù	38.200.000	38.200.000	0
III	CHI PHÍ BQL DA	BQL dự án huyện Minh Long	369.000.000	354.017.000	14.983.000
IV	CHI PHÍ TƯ VẤN		1.451.917.000	1.225.689.000	226.228.000
1	C/phi KS lập TKBVTC + dự án	Cty TNHH TVXD Trung Long	955.233.000	910.053.000	45.180.000
2	Chi phí GS thi công XD công trình	Cty TNHH TVXD Huy Hoàng	348.109.000	217.044.000	131.065.000
3	Chi phí thẩm tra TK, DT	Cty CP TV XD&ĐT Q/Ngãi	49.983.000	0	49.983.000
4	Chi phí lập HSMT,Đ/giá HS DT	Cty TV XDPT&ĐT Q/Ngãi	18.592.000	18.592.000	0
5	C/phi TV Đ/giá tác động môi trường	TT KT quan trắc môi trường	80.000.000	80.000.000	0
V	CHI PHÍ KHÁC		372.507.500	213.719.000	158.788.500
1	Chi phí thẩm định dự án đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư Q/Ngãi	3.150.000	0	3.150.000
2	Chi phí thẩm định TK DT	Phòng NN&PTNT M/Long	13.387.500	0	13.387.500
3	Đo, vẽ bản đồ Đ/chính, cắm mốc MB	Cty TNHH C Ứ DV TĐ B/Tiến	82.039.000	82.039.000	0
4	C/phi thẩm định kết quả đấu thầu	Phòng TC KH M/Long	1.737.000	1.737.000	0
5	Chi phí bảo hiểm công trình	Cty Bảo Minh Q/Ngãi	129.943.000	129.943.000	0
6	Chi phí kiểm toán quyết toán	Cty TNHH kiểm toán FAC	111.194.000	0	111.194.000
7	Chi phí th/tra, phê duyệt quyết toán	Sở Tài chính Q/Ngãi	31.057.000	0	31.057.000
	TỔNG CỘNG		24.434.595.000	16.054.756.500	8.379.838.500